

**TÔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/XLDKMT-CBTT
V/v: Công bố thông tin Báo cáo thường niên
năm 2025.

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung

Mã chứng khoán: PXM

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa Shome, số 186 đường 30 tháng 4,
phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3635.888

Fax: 0236.3635.777

Người được ủy quyền CBTT: Bà Huỳnh Lê Lệ Diễm – Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2025

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung tại đường dẫn [http:// www.pvcmt.vn](http://www.pvcmt.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

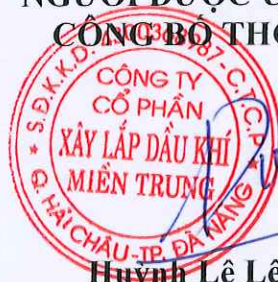
Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TCTH.

Đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2025.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Huỳnh Lê Lệ Diễm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG
NĂM 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- PXM- Tên công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung
- Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 3 Tòa Shome – số 186 đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng
- Mã chứng khoán : PXM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 4300368987
- Điện thoại : 0236.3635888 Fax: 0236.3635777
- Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng.
- Quá trình hình thành và phát triển:

- 17/10/2005: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí ra Quyết định Thành lập Ban dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, Quảng Ngãi
- 13/4/2006: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí ra Quyết định thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí tại Quảng Ngãi.
- 26/10/2007: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.
- 21/12/2007: Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ra Quyết định thành lập Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) trên cơ sở sát nhập Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí tại Quảng Ngãi và Ban dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất, Quảng Ngãi.
- 15/10/2009: Công ty TNHH một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung chuyển trụ sở chính ra thành phố Đà Nẵng.
- 16/11/2009: Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần.
- 22/11/2009: Đơn vị chính thức trở thành Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung
- 29/12/2009: Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung lần thứ I đã diễn ra thành công tốt đẹp, thông qua Điều lệ Tổ chức hoạt động, ngành nghề kinh doanh và chiến lược phát triển của công ty giai đoạn hiện nay và trong những năm sắp tới.

21/6/2010: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung thực hiện niêm yết 15.000.000 cổ phiếu với mã chứng khoán PXM tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

30/6/2014: Chuyển sang niêm yết 15.000.000 cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hà Nội (UPCOM).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1 Ngành nghề kinh:

- Đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài ngành Dầu Khí.
- Xây dựng công trình thủy lợi.
- San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành Dầu khí.
- Xây dựng các công trình đê kè, cầu cảng.
- Lắp đặt đường dây tải điện đến 35KV và các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp.
- Sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm, khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ.
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại....

2.2 Địa bàn kinh doanh chính: Khu vực miền Trung

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1 Mô hình quản trị công ty

Mô hình hoạt động công ty được áp dụng theo điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT) lãnh đạo và chịu trách nhiệm chung mọi mặt hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của Chủ tịch HDQT phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan, trực tiếp chỉ đạo và điều hành các kế hoạch lớn, các vấn đề có tính chiến lược trên tất cả các lĩnh vực công tác.

Chủ tịch HDQT phân công tác thành viên HDQT chỉ đạo, xử lý các công việc trong từng lĩnh vực. Các thành viên HDQT sử dụng quyền hạn của Chủ tịch HDQT để giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công và ủy quyền.

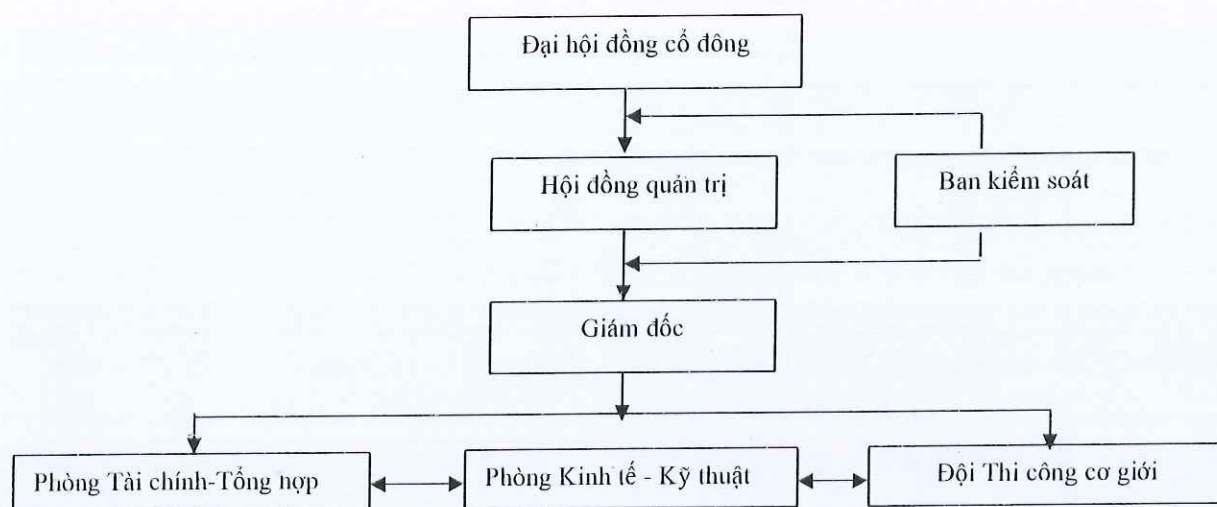
Giám đốc lãnh đạo và chịu trách nhiệm chung về mọi mặt hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của Giám đốc phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật có liên quan, trực tiếp chỉ đạo, điều hành công việc có tính chất quan trọng, lớn trên tất cả các lĩnh vực công tác.

Cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo công việc, trách nhiệm nhiệm vụ và có mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành viên

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Cơ cấu bộ máy tổ chức của công ty bao gồm:
 - + Phòng Tài chính - Tổng hợp
 - + Phòng Kinh tế - Kỹ thuật
 - + Đội Thi công – Cơ giới

- Sơ đồ bộ máy tổ chức:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu:

+ Thanh quyết toán các dự án công trình tồn đọng

+ Khôi phục và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Tạo công văn việc làm ổn định cho Người lao động.

+ Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc đơn vị.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Nhiệm vụ cụ thể là khai thác tối đa trong việc cho thuê xe máy thiết bị và xử lý các tồn tại các năm trước, từng bước tháo gỡ khó khăn và duy trì bộ máy nhân sự và khôi phục hoạt động sản xuất.

- Các mục tiêu phát triển bền vững: Triển khai thực hiện văn hóa doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể, tích cực tham gia các phong trào do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam phát động và các phong trào thiện nguyện của địa phương.

5. Rủi ro:

- Về Tài chính: Công ty đối mặt với việc thiếu hụt nguồn vốn để phục vụ sản xuất. Việc thu hồi công nợ từ các dự án đã hoàn thành gặp khó khăn, vướng mắc, các khoản phải thu lớn đều thế chấp quyền đòi nợ cho Ngân hàng.

- Về nhân sự: Do tình hình sản xuất kinh doanh của công ty không ổn định và gặp nhiều khó khăn về tài chính, số lao động giảm dần qua từng năm nên không đảm bảo nguồn nhân sự của bộ máy điều hành và nhân lực phục vụ sản xuất.

- Về việc làm: Cạnh tranh trong lĩnh vực cho thuê xe máy thiết bị ngày càng khốc liệt, dẫn đến việc không đảm bảo đủ việc làm cho Người lao động, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất trong năm:

Dvt: tỷ đồng

T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% thực hiện	
					So với KH năm 2025	So với năm 2024
1	Giá trị SXKD	1,91	2,34	0,69	29%	36%
	- Xây lắp					
	- Ngoài xây lắp	0,70	1,84	0,69	37%	98%
	- Hoạt động tài chính					
	- Thu nhập khác	1,21	0,50			
2	Doanh thu	1,77	2,17	0,64	29%	36%
	- Xây lắp					
	- Ngoài xây lắp	0,65	1,71	0,64	37%	98%
	- Hoạt động TC					
	- Thu nhập khác	1,12	0,46			
3	Lợi nhuận trước thuế	(18,30)		(19,46)		
4	Lợi nhuận sau thuế	(18,30)		(19,46)		
5	Nộp ngân sách nhà nước	0,17	0,18	0,16	89%	94%
6	Thu nhập bình quân	6,7	6,7	6,9	103%	103%

Công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được DHDCD thường niên 2025 thông qua, kết quả thực hiện:

- Về sản lượng: Thực hiện được 0,69 tỷ đồng, đạt 29% kế hoạch năm 2025.
- Về doanh thu: Thực hiện được 0,64 tỷ đồng, đạt 29% kế hoạch năm 2025.
- Về lợi nhuận: Lỗ 19,46 tỷ đồng. Nguyên nhân gây lỗ chủ yếu là chi phí lãi vay quá hạn 18,42 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành đến thời điểm 31/12/2025:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu %	Ghi chú
1	Lê Tuấn Nguyên	Giám đốc	0	0%	
2	Huỳnh Lê Lệ Diễm	Kế toán trưởng	0	0%	

i. Ông Lê Tuấn Nguyên – Ủy viên Hội đồng quản trị /Giám đốc

- Năm sinh: 1971; Quê quán: Quảng Ngãi.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế QTDN Dầu khí.
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 1/2001 đến 10/2004: Nhân viên phòng Kế hoạch – Kỹ thuật, Xí nghiệp xây lắp và VLXD Miền Trung thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.

- ✓ Từ tháng 11/2004 đến 7/2008: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Trường Thịnh.
- ✓ Từ tháng 8/2008 đến 10/2009: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán, Công ty TNHH Xây lắp Dầu khí Miền Trung.
- ✓ Từ tháng 11/2009 đến 9/2014: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán, Công ty CP Xây lắp dầu khí Miền Trung.
- ✓ Từ tháng 10/2014 đến 4/2015: Kế toán trưởng Công ty CP Xây lắp dầu khí Miền Trung.
- ✓ Từ tháng 05/2015 đến 02/2016: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Xây lắp dầu khí Miền Trung.
- ✓ Từ tháng 03/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Xây lắp dầu khí Miền Trung.

ii. Bà Huỳnh Lê Lệ Diễm – Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1985; Quê quán: Quảng Ngãi.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 10/2006 – tháng 1/2007: Nhân viên phòng TCKT Ban quản lý Dự án Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất, CN Công ty CP Xây lắp Dầu khí.
 - ✓ Từ tháng 1/2007 – tháng 8/2015: Kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung.
 - ✓ Từ tháng 8/2015 – 5/2023: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung.
 - ✓ Từ tháng 5/2023 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung.

b. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Không có

c. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đãi ngộ:

- Số lượng CBCNV công ty tính đến 31/12/2025: là 08 người
- Cơ cấu lao động của công ty theo trình độ chuyên môn:
 - + Đại học: 05 người
 - + Cao đẳng, trung cấp, CNKT: 01 người
 - + Lao động phổ thông: 02 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: VND

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	40.692.772.884	40.078.039.048	
Doanh thu thuần	652.577.063	637.440.740	

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-19.241.578.365	-19.326.358.927	
Lợi nhuận khác	933.210.111	-135.631.470	
Lợi nhuận trước thuế	-18.308.368.254	-19.461.990.397	
Lợi nhuận sau thuế	-18.308.368.254	-19.461.990.397	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			Các chỉ tiêu về Vốn chủ sở hữu, Lợi nhuận bị âm nên các hệ số không phản ánh được bản chất
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	0,08	0,07	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,04	0,04	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	12,93	13,59	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-1,08	-1,08	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,02	0,015	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-28,06	-30,53	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,04	-0,038	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,45	0,48	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-29,49	-30,53	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Cổ đông lớn là tổ chức: Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (chiếm 48.26 % Vốn Điều lệ)

b. Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần (vnd)
1	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.240.000	48,26%	72.400.000.000
2	Cổ đông khác	7.760.000	51,74%	77.600.000.000
	Tổng cộng (1+2)	15.000.000	100%	150.000.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam là cổ đông lớn, hiện nắm giữ 7.240.000 cổ phần, tương đương giá trị 72.400.000.000 đồng chiếm 48,26 % vốn điều lệ của công ty và được ủy quyền/ giao cho 02 thành viên HĐQT công ty là Người đại diện quản lý vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung. Cụ thể:

- Ông Nguyễn Đình Phước – Chủ tịch HĐQT đại diện quản lý 33.33% Vốn điều lệ, tương đương 5.000.000 cổ phần.

- Ông Lê Tuấn Nguyên - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc, đại diện quản lý 14.93 % Vốn điều lệ, tương đương 2.240.000 cổ phần.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Hoạt động sản xuất của công ty không phát thải khí nhà kính.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Không có

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 0 m³ . Lý do Công ty không thực hiện các hoạt động sản xuất cần sử dụng nguồn nước.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động bình quân: 08 người.

- Mức lương bình quân: 6,9 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Trong giai đoạn Công ty còn nhiều khó khăn, tổ chức công đoàn đã phát huy vai trò của mình trong công tác tuyên truyền động viên người lao động, ổn định tư tưởng CBCNV-LĐ tiếp tục nỗ lực khắc phục khó khăn tiếp tục sản xuất. Công đoàn đã phối hợp với chính

quyền chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho NLD như tặng quà sinh nhật, tặng quà cho các cháu thiếu niên nhi đồng là con của CBCNV công ty, tổ chức và tặng quà cho lao động nữ nhân ngày 8/3 ...

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Tham gia tập huấn Thông tư 99/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Cán bộ công nhân viên luôn quan tâm đến công tác an sinh xã hội, tham gia các cuộc vận động do Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam khởi phát động

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty chưa áp dụng

III. Báo cáo và đánh giá của Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2025, công ty không có hoạt động thi công xây lắp. Sản lượng/Doanh thu chủ yếu từ hoạt động cho thuê xe máy thiết bị, kho bãi. Kết quả từ việc cho thuê xe máy đạt được rất thấp do thiếu nguồn việc, công việc nhỏ lẻ, rải rác, ngoài ra thiết bị máy móc quá cũ nên thường xuyên hư hỏng dẫn đến hiệu quả không cao. Công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên 2025 thông qua, cụ thể như sau:

- Giá trị sản lượng thực hiện năm 2025 là 0,69 tỷ đồng, đạt 29% kế hoạch năm 2025.
- Doanh thu thực hiện năm 2025 là 0,64 tỷ đồng, đạt 29% kế hoạch năm 2025.
- Về lợi nhuận: Lỗ 19,46 tỷ đồng. Nguyên nhân gây lỗ chủ yếu là chi phí lãi vay quá

hạn 18,42 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản đầu kỳ 40,692 tỷ đồng, cuối kỳ là 40,078 tỷ đồng giảm 614 triệu đồng.

b. Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại: Đến 31/12/2025 nợ phải trả 545 tỷ đồng.
- Đối với các khoản nợ quá hạn không có khả năng thanh toán các khoản vay làm phát sinh tiền lãi vay quá hạn, ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong điều kiện tài chính công ty mất cân đối, thiếu hụt nguồn vốn phục vụ sản xuất Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sát sao công tác quyết toán các công trình dở dang, tập trung thu hồi công nợ các tổ chức, cá nhân... từng bước tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất. Hệ thống các quy chế, quy định thường xuyên được rà soát, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

4. Kế hoạch trong tương lai

- Tăng cường công tác tìm kiếm việc làm để khai thác tối đa tất cả các máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ.

- Tiếp tục công tác thanh lý các công cụ dụng cụ hư hỏng, không đáp ứng được điều kiện thi công hoặc hư hỏng hoàn toàn để thu hồi một phần vốn phục vụ sản xuất và chuyển đổi sang các loại thiết bị khác có tính hiệu quả hơn.

- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ các dự án đã hoàn thành quyết toán, tập trung thu hồi công nợ các cá nhân, xem xét thực khởi kiện ra tòa tòa theo quy định pháp luật khi

cần thiết

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp bộ máy tổ chức quản lý.
- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí, thực hành tiếp kiệm chống lãng phí.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán

Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược:

1. Về các khoản nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2025:

✓ Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục gửi thư xác nhận đối với các khoản nợ phải thu (số tiền 83.339.618.886 đồng) nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên có liên quan.

✓ Do hạn chế từ phía Công ty, Kiểm toán viên không thể thực hiện thủ tục gửi thư xác nhận đối với các khoản nợ phải trả (số tiền 149.627.323.046 đồng) và nợ gốc, nợ lãi vay các ngân hàng (trừ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng) lần lượt là 44.826.790.915 đồng và 153.169.732.345 đồng (xem Thuyết minh số 22 và 20).

Hạn chế nêu trên, kiểm toán viên cũng không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế; Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản nợ phải thu và phải trả nêu trên cũng như sự ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính đính kèm.

Giải trình: Các khoản nợ phải thu phải trả đều là các khoản nợ quá hạn từ những năm 2012, 2013 có một số khách hàng không hoặc chậm phản hồi thư xác nhận của kiểm toán viên.

2. Như trình bày tại Thuyết minh số 9, khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng của Công trình Nhà máy đóng tàu Vinashin với Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất là 19.741.954.541 đồng đã tồn tại nhiều năm (từ năm 2013 trở về trước). Với tài liệu kế toán hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về số dư khoản mục này cũng như sự ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính.

Giải trình: Do còn vướng mắc liên quan đến khối lượng phát sinh, nên hồ sơ quyết toán chưa được Chủ đầu tư phê duyệt.

3. Như đã trình bày tại điểm (*) Thuyết minh số 20 “Chi phí phải trả”, trong tổng chi phí trích trước khác có 458.957.307 đồng là các chi phí trích trước không rõ nội dung và đối tượng, chi phí trích trước của một số công trình có số dư âm 1.707.041.034 đồng và phần còn lại với số tiền: 35.112.994.343 đồng là chi phí trích trước của các công trình đã tồn tại nhiều năm. Ngoài ra, Công ty hiện phản ánh “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” là 41.935.108.842 đồng (đã trích lập dự phòng 28.400.801.099 đồng), đây là các công trình đã tồn tại nhiều năm (xem mục (*) của Thuyết minh 13). Với các tài liệu kế toán hiện có, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý đối với số dư của các khoản mục này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giải trình: Các khoản “Chi phí phải trả” và “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” là các khoản chi phí đã được ghi nhận của các công trình tồn tại từ những năm 2009-2013, các hồ sơ, chứng từ không được bàn giao đầy đủ giữa các cán bộ phụ trách kế toán qua các thời kỳ. Các công trình có liên quan đến chi phí trên cho đến nay vẫn chưa quyết toán.



4. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 “Giả định hoạt động liên tục”, Báo cáo tài chính đính kèm được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2025, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty âm 658.194.485.543 đồng và vốn chủ sở hữu âm 504.967.771.578 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản lưu động là 505.672.837.530 đồng, hầu hết các khoản nợ phải thu và phải trả đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã lỗ liên tục 14 năm và lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh âm liên tục nhiều năm. Cho đến thời điểm hiện nay, chúng tôi không thu thập được bằng chứng nào cho thấy Công ty có thể tiếp cận được với các nguồn lực tài chính hoặc có kế hoạch hành động trong tương lai để chứng minh giả định hoạt động liên tục mà Giám đốc đang áp dụng để lập Báo cáo tài chính đính kèm là có cơ sở. Nếu Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo quy định cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục, nhiều khoản mục trong Báo cáo tài chính sẽ bị ảnh hưởng trọng yếu.

Giải trình: Hiện nay, Công ty không đủ năng lực tài chính, nhân lực để thực hiện lĩnh vực kinh doanh chính là xây lắp công trình. Hoạt động kinh doanh chính từ 2014 đến nay chủ yếu là cho thuê xe máy, thiết bị. Xe máy, thiết bị qua mỗi năm dần xuống cấp, hư hỏng, không còn khả năng khai thác dẫn đến nguồn thu suy giảm, thu không đủ bù chi, thâm hụt tài chính ngày càng nghiêm trọng. Công ty hoạt động gần như cầm chừng, cố gắng duy trì nhân sự để xử lý các tồn đọng và chờ thực hiện chủ trương tái cơ cấu theo hướng phá sản/ giải thể/ sáp nhập của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Cho nên Ban Giám đốc vẫn quyết định lập Báo cáo Tài chính năm 2025 trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

b. Đánh giá liên quan đến người lao động:

Đảm bảo 100% người lao động được ký HDLĐ, và đóng BHXH, BHYT, BHTN và Bệnh nghề nghiệp

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương: Công ty luôn làm đúng trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trách nhiệm môi trường và xã hội:

Trong năm 2025, Ban điều hành và tập thể CBCNV trong Công ty đã rất nỗ lực khắc phục khó khăn để duy trì hoạt động sản xuất và thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước theo quy định.

- *Công tác thi công xây lắp:* Không thể triển khai do tình trạng công ty âm vốn nên không thể trực tiếp tham gia đấu thầu các dự án; thiếu tài chính và nguồn việc phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay của công ty.

- *Công tác quyết toán nội bộ:* Đối với công tác quyết toán nội bộ và công tác thu hồi tạm ứng cá nhân việc triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn, kết quả đạt được rất hạn chế do phần lớn các cá nhân không hợp tác với Công ty.

- *Công tác quyết toán các công trình:*

Các công trình chưa quyết toán đều là những dự án có nhiều vướng mắc kéo dài

không thể thực hiện được do các Chủ đầu tư cũng lâm vào tình trạng khó khăn, thua lỗ kéo dài hoặc vẫn chưa đủ điều kiện để các bên triển khai công tác quyết toán.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Giám đốc công ty:

HDQT đánh giá sự cố gắng nỗ lực của Ban điều hành tìm kiếm việc làm để duy trì hoạt động sản xuất của Công ty trong điều kiện khó khăn về tài chính, thị trường việc làm cạnh tranh khốc liệt để triển khai sản xuất, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động, trang trải chi phí lý trực tiếp và gián tiếp của công ty trong năm 2025. Tuy nhiên, Công ty vẫn còn tồn tại những hạn chế trong hoạt động sản xuất như:

- Đối với hoạt động khai thác xe máy thiết bị: Đã khai thác tối đa việc cho thuê xe máy thiết bị nhưng kết quả là chưa cao.

- Đối với hoạt động thi công xây lắp: Không thể triển khai do tình trạng công ty bị âm vốn. Không có năng lực tài chính, nên không thể trực tiếp đấu thầu và thực hiện hợp đồng xây lắp.

- Công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm chưa đạt yêu cầu đề ra.

- Trong năm Giám đốc đã thực hiện đầy đủ các báo cáo, công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất của công ty theo quy định hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Đánh giá tình hình thực tế của công ty trong năm 2025 trong bối cảnh thị trường cho thuê xe máy thiết bị cạnh tranh khốc liệt. Do đó, HDQT công ty đề ra các phương hướng, giải pháp hoàn thành kế hoạch trong năm tiếp theo như sau:

- HDQT thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HDQT... nhằm đảm bảo quyền lợi của công ty và của cổ đông.

- Tiếp tục chỉ đạo Công ty thực hiện công tác kiểm soát và giảm thiểu các chi phí để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành Công ty thực hiện theo kế hoạch SXKD của Công ty.

- Thu hồi công nợ tại các dự án đã hoàn thành quyết toán nhằm chi trả một phần nợ cho các tổ chức tài chính, ngân hàng ...

- Đối với các vật tư, CCDC, máy móc thiết bị hư hỏng không thể sử dụng: Tiến hành thanh lý.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung, nhiệm kỳ 2025-2030 gồm 03 thành viên có tên sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Phước	Chủ tịch HĐQT	5/2025	0	0 %	HĐQT bầu chức danh Chủ tịch HĐQT ngày

						5/6/2025
2	Lê Tuấn Nguyên	Thành viên	5/2025	0	0%	
3	Nguyễn Đức Anh	Thành viên	5/2023	0	0 %	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động của Hội đồng Quản trị thực hiện theo Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Luật doanh nghiệp đảm bảo thực hiện các nội dung sau:

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc: Các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ... triển khai thực hiện bởi Giám đốc đều do HĐQT chỉ đạo và kiểm tra, giám sát theo đúng phân cấp thẩm quyền của HĐQT và đảm bảo thông tin xuyên suốt;

- HĐQT giám sát và chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị Quyết/ Quyết định theo quy định;

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và lấy phiếu ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung thuộc thẩm quyền về kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhân sự, cơ cấu tổ chức của Công ty, tham dự họp giao ban và các cuộc họp do Giám đốc tổ chức để có những chỉ đạo kịp thời đối với hoạt động của Công ty;

- Hội đồng quản trị phối hợp cùng với Ban kiểm soát kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty, từ đó có ý kiến chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của đơn vị;

Hội đồng Quản trị duy trì vai trò là người quản trị và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành, có ý kiến chỉ đạo đối với từng vấn đề nhằm đảm bảo đúng định hướng và phạm vi trách nhiệm quyền hạn của Hội đồng Quản trị. Trong thời gian vừa qua, HĐQT chủ yếu tập trung vào công tác quản trị, giám sát việc xử lý các vướng mắc tồn đọng của các năm cũ, tập trung chỉ đạo và giám sát công tác thu hồi công nợ, hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán các công trình. Tập trung công tác cho thuê xe máy thiết bị để tạo nguồn thu duy trì các hoạt động của công ty.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp HĐQT và ban hành 02 Nghị quyết, 03 Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Stt	Số	Ngày	Nội dung
I	Nghị quyết		
1	05/NQ-XLDKMT-HĐQT	28/02/2025	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
	11/NQ-XLDKMT-HĐQT	05/6/2025	Bầu Chủ tịch HĐQT
II	Quyết định		
1	01/QĐ-XLDKMT-HĐQT	06/02/2025	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
2	02/QĐ-XLDKMT-	10/4/2025	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ

	HDQT		họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
3	03/QĐ-XLDKMT-HDQT	24/12/2025	Thành lập Hội đồng chỉ đạo và xử lý kiểm kê Công ty PVCMT tại thời điểm 0h ngày 01/01/2026

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Các thành viên HDQT, thành viên Ban Kiểm soát và Ban điều hành đều được đào tạo và có kinh nghiệm trong lĩnh vực được phân công khi được bầu/bổ nhiệm vào HDQT, BKS...

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung kỳ 2020-2025 gồm các thành viên sau:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát
2	La Minh Huệ	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Văn Tĩnh	Thành viên Ban Kiểm soát

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HDQT, Giám đốc công ty trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, cũng như công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, phối hợp trong việc kiểm tra giám sát, báo cáo tình hình hoạt động của công ty.

Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp thông tin và tài liệu đầy đủ liên quan đến hoạt động của công ty để Ban kiểm soát kịp thời kiểm tra giám sát và báo cáo. Ban kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giao ban của Công ty.

Ban kiểm soát đã thẩm định, soát xét và cho ý kiến công tác lập và trình bày báo cáo tài chính đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ theo các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước. Ban kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước khi trình HDQT và Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2025, Ban kiểm soát không nhận được thư yêu cầu hay khiếu nại, đề nghị từ cổ đông hay nhóm cổ đông liên quan đến hoạt động của Công ty và công tác điều hành của HDQT và Giám đốc.

Ban Kiểm soát định kỳ hàng quý tiến hành việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty. Thù lao và kinh phí hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện đúng theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp đánh giá báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm. Đồng thời, tham gia đầy đủ các cuộc họp của HDQT khi được mời tham dự.

c. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm qua, Ban kiểm soát đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và

Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao

- Tổng tiền lương/thù lao Hội đồng quản trị : 66.000.000 đồng
- Tổng tiền lương Giám đốc : 141.416.808 đồng
- Tổng tiền lương/thù lao của Ban kiểm soát : 21.500.000 đồng

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ* : Không có.

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ* : Không có.

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*: Tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược”, Báo cáo tài chính đã không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



Lê Tuấn Nguyên





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU
KHÍ MIỀN TRUNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLTK ngày 16/11/2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4300368987 ngày 22/11/2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp doanh và lần gần nhất vào ngày 30/05/2023), Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PXM, ngày niêm yết có hiệu lực: 10/06/2010. Ngày 15/04/2014 HOSE đã có Quyết định số 163/QĐ-SGDHCM về việc hủy niêm yết của cổ phiếu PXM kể từ ngày 15/04/2014 và ngày 01/07/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) thông báo chính thức về việc đưa cổ phiếu PXM vào giao dịch trên thị trường UPCOM. Ngày 19/05/2016, HNX thông báo về việc hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM đối với cổ phiếu PXM (chỉ được giao dịch vào thứ 6 hàng tuần). Ngày bắt đầu hạn chế giao dịch 26/5/2016.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2025: 150.000.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa Shome, số 186 Đường 30 tháng 4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 84 (0236) 3635888
- Fax: 84 (0236) 3635777
- Website: www.pvcmt.vn

Lĩnh vực kinh doanh chính: Cho thuê tài sản

Nhân sự

Tổng số công nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 8 người (tại ngày 01/01/2025 là 9 người).

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Đình Phước | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 05/06/2025 |
| • Ông Lê Tuấn Nguyên | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 29/05/2025 |
| • Ông Nguyễn Đức Anh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 12/05/2023 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thanh Ngân | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 05/06/2025 |
|------------------------|------------|--------------------------|

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|------------------------|------------|---|
| • Ông Nguyễn Trọng Đại | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 12/05/2023
Miễn nhiệm 29/05/2025 |
| • Ông Nguyễn Văn Tĩnh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 29/05/2025 |
| • Bà La Minh Huệ | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/05/2025 |

Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Lê Tuấn Nguyên | Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 24/05/2021 |
| • Bà Huỳnh Lê Lệ Diễm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 18/05/2023 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218, Đường 30 Tháng 4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Tuấn Nguyên

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2026



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN-KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 192/2026/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 10/03/2026 của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược

1. Về các khoản nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2025:

- ✓ Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục gửi thư xác nhận đối với các khoản nợ phải thu (số tiền 83.339.618.886 đồng) nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên có liên quan.
- ✓ Do hạn chế từ phía Công ty, Kiểm toán viên không thể thực hiện thủ tục gửi thư xác nhận đối với các khoản nợ phải trả (số tiền 149.627.323.046 đồng) và nợ gốc, nợ lãi vay các ngân hàng (trừ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng) lần lượt là 44.826.790.915 đồng và 153.169.732.345 đồng (xem Thuyết minh số 22 và 20).

Hạn chế nêu trên, kiểm toán viên cũng không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế; Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản nợ phải thu và phải trả nêu trên cũng như sự ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính đính kèm.

2. Như trình bày tại Thuyết minh số 9, khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng của Công trình Nhà máy đóng tàu Vinashin với Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất là 19.741.954.541 đồng đã tồn tại nhiều năm (từ năm 2013 trở về trước). Với tài liệu kế toán hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về số dư khoản mục này cũng như sự ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính.
3. Như đã trình bày tại điểm (*) Thuyết minh số 20 “Chi phí phải trả”, trong tổng chi phí trích trước khác có 458.957.307 đồng là các chi phí trích trước không rõ nội dung và đối tượng, chi phí trích trước của một số công trình có số dư âm 1.707.041.034 đồng và phần còn lại với số tiền: 35.112.994.343 đồng là chi phí trích trước của các công trình đã tồn tại nhiều năm. Ngoài ra, Công ty hiện phản ánh “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” là 41.935.108.842 đồng (đã trích lập dự phòng 28.400.801.099 đồng), đây là các công trình đã tồn tại nhiều năm (xem mục (*) của Thuyết minh 13). Với các tài liệu kế toán hiện có, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý đối với số dư của các khoản mục này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 “Giả định hoạt động liên tục”, Báo cáo tài chính đính kèm được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2025, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty âm 658.194.485.543 đồng và vốn chủ sở hữu âm 504.967.771.578 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản lưu động là 505.672.837.530 đồng, hầu hết các khoản nợ phải thu và phải trả đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã lở liên tục 14 năm và lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh âm liên tục nhiều năm. Cho đến thời điểm hiện nay, chúng tôi không thu thập được bằng chứng nào cho thấy Công ty có thể tiếp cận được với các nguồn lực tài chính hoặc có kế hoạch hành động trong tương lai để chứng minh giả định hoạt động liên tục mà Giám đốc đang áp dụng để lập Báo cáo tài chính đính kèm là có cơ sở. Nếu Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo quy định cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục, nhiều khoản mục trong Báo cáo tài chính sẽ bị ảnh hưởng trọng yếu.

Ý kiến kiểm toán trái ngược

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược”, Báo cáo tài chính đã không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Dương Thị Vân Thanh – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3671-2026-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.372.973.096	39.759.560.106
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		89.965.976	213.582.831
1. Tiền	111	6	89.965.976	213.582.831
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.685.586.124	24.949.935.643
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	56.986.970.067	57.203.470.067
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	20.578.949.763	20.591.949.763
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134	9	19.741.954.541	19.741.954.541
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	14.924.715.916	14.927.304.716
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(90.484.900.635)	(90.452.639.916)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	12	2.937.896.472	2.937.896.472
IV. Hàng tồn kho	140	13	14.404.692.626	14.404.692.626
1. Hàng tồn kho	141		43.083.087.028	43.083.087.028
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28.678.394.402)	(28.678.394.402)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		192.728.370	191.349.006
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16.a	3.991.667	2.630.303
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		169.884.463	169.884.463
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	18.852.240	18.834.240
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		705.065.952	933.212.778
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.348.008	5.348.008
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		5.348.008	5.348.008
II. Tài sản cố định	220		31.373.164	56.909.762
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	31.373.164	56.909.762
- Nguyên giá	222		35.892.447.185	35.892.447.185
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.861.074.021)	(35.835.537.423)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		229.949.191	229.949.191
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	229.949.191	229.949.191
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		438.395.589	641.005.817
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16.b	438.395.589	641.005.817
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		40.078.039.048	40.692.772.884

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tầng 3, Tòa Shome, Số 186 Đường 30/4, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		545.045.810.626	526.198.554.065
I. Nợ ngắn hạn	310		545.045.810.626	526.198.554.065
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	124.507.434.529	124.501.654.529
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	35.666.249.464	35.616.249.464
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	250.146.878	229.018.475
4. Phải trả người lao động	314		623.829.928	543.233.274
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	302.938.809.096	284.514.578.186
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	193.518.519	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	1.948.969.102	1.876.967.027
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	79.229.834.855	79.229.834.855
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(312.981.745)	(312.981.745)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(504.967.771.578)	(485.505.781.181)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(504.967.771.578)	(485.505.781.181)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	3.226.713.965	3.226.713.965
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	(658.194.485.543)	(638.732.495.146)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(638.732.495.146)	(620.424.126.892)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(19.461.990.397)	(18.308.368.254)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		40.078.039.048	40.692.772.884



Lê Tuấn Nguyên

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Huỳnh Lê Lê Diễm

Người lập biểu

Huỳnh Lê Lê Diễm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tầng 3, Tòa Shome, Số 186 Đường 30/4, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	637.440.740	652.577.063
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		637.440.740	652.577.063
4. Giá vốn hàng bán	11	26	507.065.341	456.742.814
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		130.375.399	195.834.249
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	47.479	378.658
7. Chi phí tài chính	22	28	18.424.230.910	18.428.217.879
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.424.230.910	18.428.217.879
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	1.032.550.895	1.009.573.393
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(19.326.358.927)	(19.241.578.365)
11. Thu nhập khác	31	30	-	1.117.354.074
12. Chi phí khác	32	31	135.631.470	184.143.963
13. Lợi nhuận khác	40		(135.631.470)	933.210.111
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(19.461.990.397)	(18.308.368.254)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(19.461.990.397)	(18.308.368.254)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(1.297)	(1.221)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	(1.297)	(1.221)



Lê Tuấn Nguyên

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Huỳnh Lê Lê Diễm

Người lập biểu

Huỳnh Lê Lê Diễm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Tầng 3, Tòa Shome, Số 186 Đường 30/4, Phường Hòa Cường,
Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(19.461.990.397)	(18.308.368.254)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	14	25.536.598	90.218.228
- Các khoản dự phòng	03	11	32.260.719	(62.457.840)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	27	(47.479)	(1.115.332.732)
- Chi phí lãi vay	06	28	18.424.230.910	18.428.217.879
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(980.009.649)	(967.722.719)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		232.070.800	312.010.636
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		423.025.651	(403.431.672)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		201.248.864	78.616.538
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(123.664.334)	(980.527.217)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	1.114.954.074
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27	47.479	378.658
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		47.479	1.115.332.732
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(123.616.855)	134.805.515
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	213.582.831	78.777.316
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6	89.965.976	213.582.831

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Lê Tuấn Nguyên

Huỳnh Lê Lê Diễm

Huỳnh Lê Lê Diễm

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN

*Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 965/QĐ-XLKD ngày 16/11/2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Dầu khí Miền Trung thành công ty cổ phần. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4300368987 ngày 22/11/2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp và lần gần nhất vào ngày 30/05/2023), Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam là 48,267% vốn điều lệ.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê văn phòng, xe ô tô, xe máy, thiết bị thi công công trình.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Tại ngày 31/12/2025, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty âm 658.194.485.543 đồng và vốn chủ sở hữu âm 504.967.771.578 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản lưu động là 505.672.837.530 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, Công ty có thể sẽ không thực hiện được giá trị tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong điều kiện kinh doanh bình thường.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa có chiến lược kinh doanh mới cũng như chưa có kế hoạch hỗ trợ tài chính từ chủ sở hữu. Tuy nhiên, Giám đốc Công ty vẫn quyết định lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

5.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 7
Tài sản khác	4

5.5 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

5.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Lợi thế kinh doanh do Cổ phần hóa doanh nghiệp phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 236 tháng;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

5.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

5.9 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước

5.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

5.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

5.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó. Theo đó, tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

5.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

5.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay và các khoản chi phí tài chính khác.

5.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

5.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

5.17 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT): Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị; Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Trong năm 2025, Công ty áp dụng mức thuế suất 8% đối với dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của chính phủ.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

6. Tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	69.620.280	177.754.825
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.345.696	35.828.006
Cộng	89.965.976	213.582.831

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi (*)	17.991.816.573	17.991.816.573
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (*)	16.950.703.452	16.950.703.452
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.839.226.615	2.820.226.615
Các đối tượng khác	19.205.223.427	19.440.723.427
Cộng	56.986.970.067	57.203.470.067

(*) Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ đối với công nợ phải thu Công ty Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 01/HĐBD/2013 và số 02/ HĐBD/2013 giữa Công ty và Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	17.991.816.573	17.991.816.573
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	16.950.703.452	16.950.703.452
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	4.480.897.900	4.480.897.900
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	3.769.347.806	3.769.347.806
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Nha Trang	2.173.040.993	2.173.040.993
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	75.075.549	75.075.549
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	500.000.000	500.000.000
Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	367.257.401	367.257.401
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	-	-
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.839.226.615	2.820.226.615
Cộng	49.147.366.289	49.128.366.289

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công trình Đường thủy 2	4.721.276.090	4.721.276.090
Công ty TNHH Thiên Hương	2.963.102.881	2.963.102.881
Các đối tượng khác	12.894.570.792	12.907.570.792
Cộng	20.578.949.763	20.591.949.763

9. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng

	31/12/2025	01/01/2025
Công trình Nhà máy đóng tàu Vinashin	19.741.954.541	19.741.954.541
Cộng	19.741.954.541	19.741.954.541

Đây là khoản phải thu theo tiến độ hợp đồng đã tồn tại từ trước năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	10.960.974.752	10.942.976.684	10.963.563.552	10.918.842.034
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng - TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.023.906.945	1.023.906.945	1.023.906.945	1.023.906.945
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	667.975.775	667.975.775	667.975.775	667.975.775
Phan Văn Diện	566.269.689	566.269.689	566.269.689	566.269.689
Đặng Văn Thanh	398.961.393	398.961.393	398.961.393	398.961.393
Đào Văn Yên	597.192.380	597.192.380	597.192.380	597.192.380
Phải thu khác	709.434.982	336.168.384	709.434.982	269.535.051
Cộng	14.924.715.916	14.533.451.250	14.927.304.716	14.442.683.267

Trong đó phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng - TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.023.906.945	1.023.906.945
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	667.975.775	667.975.775
Cộng	1.691.882.720	1.691.882.720

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2025	Năm 2024
Số dư dự phòng phải thu đầu năm	90.452.639.916	90.515.097.756
Dự phòng trích trong năm	32.260.719	-
Hoàn nhập dự phòng	-	62.457.840
Số dư dự phòng phải thu cuối kỳ	90.484.900.635	90.452.639.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Nợ xấu

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng	56.853.470.067	254.752.812	
Công ty cổ phần nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung	4.480.897.900	-	> 3 năm
Công ty CP TCT cổ phần XLDK Nghệ An	3.769.347.806	-	> 3 năm
Công ty cổ phần dịch vụ Quảng Ngãi - PTSC	17.991.816.573	-	> 3 năm
Công ty cổ phần đầu tư dầu khí Nha Trang	2.173.040.993	-	> 3 năm
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	16.950.703.452	-	> 3 năm
Tổng Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt nam	2.725.226.615	-	> 3 năm
Các đối tượng khác	8.762.436.728	254.752.812	
Tạm ứng	10.961.643.244	18.666.560	
Đào Văn Yên	1.538.434.173	-	> 3 năm
Hán Vĩnh Nam	1.000.000.000	-	> 3 năm
Các đối tượng khác	8.423.209.071	18.666.560	
Phải thu khác	3.590.474.566	-	
Ban điều hành dự án NM điện Vũng áng - TCTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.023.906.945	-	> 3 năm
Các đối tượng khác	2.566.567.621	-	
Ứng trước cho người bán	19.352.732.127	-	
Công ty CP Xây Dựng 597	1.814.542.500	-	> 3 năm
Công ty CP ĐT & XD công trình đường thủy 2 (WACO2)	4.721.276.090	-	> 3 năm
Công ty TNHH Thiên Hương	2.963.102.881	-	> 3 năm
Công ty TNHH XD & TM An nguyên An	1.789.366.886	-	> 3 năm
Các đối tượng khác	8.064.443.770	-	
Cộng	90.758.320.004	273.419.372	

12. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
Vật tư thiếu chờ xử lý	2.856.622.836	2.856.622.836
Tài sản cố định thiếu chờ xử lý	81.273.636	81.273.636
Cộng	2.937.896.472	2.937.896.472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	517.742.252	-	517.742.252	-
Chi phí SX, KD dở dang (*)	41.935.108.842	28.400.801.099	41.935.108.842	28.400.801.099
Thành phẩm (**)	630.235.934	277.593.303	630.235.934	277.593.303
Cộng	43.083.087.028	28.678.394.402	43.083.087.028	28.678.394.402

Không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025.

(*) Đây là các công trình đã tồn lâu trên 10 năm nhưng đến nay vẫn chưa được quyết toán.

(**) Là giá trị thành phẩm tại Mỏ đá Phước Hòa. Năm 2016, mỏ đá đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp phép cho đơn vị khác khai thác, Công ty chưa thu hồi được thành phẩm.

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	2.746.446.027	24.312.665.100	3.251.511.462	219.259.144	5.362.565.452	35.892.447.185
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.746.446.027	24.312.665.100	3.251.511.462	219.259.144	5.362.565.452	35.892.447.185
Khấu hao						
Số đầu năm	2.689.536.265	24.312.665.100	3.251.511.462	219.259.144	5.362.565.452	35.835.537.423
Khấu hao trong năm	25.536.598	-	-	-	-	25.536.598
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.715.072.863	24.312.665.100	3.251.511.462	219.259.144	5.362.565.452	35.861.074.021
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	56.909.762	-	-	-	-	56.909.762
Số cuối năm	31.373.164	-	-	-	-	31.373.164

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 34.233.901.185 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 0 đồng.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
Xây dựng cơ bản	229.949.191	229.949.191
- Nhà máy bao bì (*)	229.949.191	229.949.191
Cộng	229.949.191	229.949.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Công trình nhà máy Bao bì đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng và Công ty cũng đã chuyển nhượng Nhà máy Bao bì này.

16. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.991.667	2.630.303
Cộng	3.991.667	2.630.303

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	29.044.900	124.877.277
Lợi thế kinh doanh do Cổ phần hóa Doanh nghiệp (*)	409.350.689	516.128.540
Cộng	438.395.589	641.005.817

(*) Công ty thực hiện phân bổ lợi thế kinh doanh vào chi phí với thời gian 236 tháng.

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Minh Hằng	34.101.174.930	34.101.174.930
Công ty CP Việt Chèo	16.901.904.246	16.901.904.246
Ban điều hành dự án NM điện Vũng Áng - TCT CP Xây lắp	21.410.237.403	21.410.237.403
Dầu khí Việt Nam	52.094.117.950	52.088.337.950
Các đối tượng khác		
Cộng	124.507.434.529	124.501.654.529

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
Ban điều hành dự án NM điện Vũng Áng - TCT CP Xây lắp	21.410.237.403	21.410.237.403
Dầu khí Việt Nam		
Công ty CP Thi Công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1.403.347.000	1.403.347.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng	5.386.725.644	5.386.725.644
Cộng	28.200.310.047	28.200.310.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	28.268.366.989	28.268.366.989
Công ty CP Thủy điện Đakdrinh	6.646.026.471	6.646.026.471
Các đối tượng khác	751.856.004	701.856.004
Cộng	35.666.249.464	35.616.249.464

Trong đó: Người mua trả tiền trước là bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng - TCT CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	28.268.366.989	28.268.366.989
Cộng	28.268.366.989	28.268.366.989

19. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	4.613.242	43.717.309	22.588.906	-	25.741.645
Thuế thu nhập cá nhân	-	14.774.203	-	-	-	14.774.203
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	110.544.000	110.562.000	18.000	-
Các loại thuế khác	18.834.240	-	3.000.000	3.000.000	18.834.240	-
Phí và lệ phí	-	209.631.030	-	-	-	209.631.030
Cộng	18.834.240	229.018.475	157.261.309	136.150.906	18.852.240	250.146.878

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Lãi vay phải trả	269.073.898.480	250.649.667.570
Chi phí khác (*)	33.864.910.616	33.864.910.616
- Không rõ nội dung và đối tượng	458.957.307	458.957.307
- Trích trước các công trình đã tồn tại nhiều năm	35.112.994.343	35.112.994.343
- Các khoản khác	(1.707.041.034)	(1.707.041.034)
Cộng	302.938.809.096	284.514.578.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: chi phí phải trả ngắn hạn là bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
Lãi vay phải trả	115.904.166.135	108.827.317.549
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam- CN ĐN	115.904.166.135	108.827.317.549
	115.904.166.135	108.827.317.549

21. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2025	01/01/2025
Doanh thu nhận trước	193.518.519	-
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê văn phòng	193.518.519	-
Cộng	193.518.519	-

22. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	149.687.825	137.437.265
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	104.660.111	44.480.774
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.694.621.166	1.695.048.988
Cộng	1.948.969.102	1.876.967.027

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn				
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam- CN ĐN	34.403.043.940	-	-	34.403.043.940
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	16.382.385.620	-	-	16.382.385.620
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	13.244.216.949	-	-	13.244.216.949
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố HCM	15.200.188.346	-	-	15.200.188.346
Cộng	79.229.834.855	-	-	79.229.834.855

Các khoản vay trên đều đã quá hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó vay và nợ thuê tài chính với các bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN ĐN		
+ Vay ngắn hạn	34.403.043.940	34.403.043.940
Cộng	34.403.043.940	34.403.043.940

24. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2024	150.000.000.000	3.226.713.965	(620.424.126.892)
Tăng trong năm	-	-	(18.308.368.254)
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	150.000.000.000	3.226.713.965	(638.732.495.146)
Số dư tại 01/01/2025	150.000.000.000	3.226.713.965	(638.732.495.146)
Tăng trong năm	-	-	(19.461.990.397)
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	150.000.000.000	3.226.713.965	(658.194.485.543)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	72.400.000.000	72.400.000.000
Các cổ đông khác	77.600.000.000	77.600.000.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(638.732.495.146)	(620.424.126.892)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này	(19.461.990.397)	(18.308.368.254)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(658.194.485.543)	(638.732.495.146)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu cung cấp dịch vụ	637.440.740	652.577.063
Cộng	637.440.740	652.577.063

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn cung cấp dịch vụ	507.065.341	456.742.814
Cộng	507.065.341	456.742.814

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.479	378.658
Cộng	47.479	378.658

28. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền vay	18.424.230.910	18.428.217.879
Cộng	18.424.230.910	18.428.217.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	4.402.366	4.509.091
Chi phí nhân viên	639.913.448	710.122.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	195.611.772	166.993.570
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	32.260.719	(62.457.840)
Các khoản khác	160.362.590	190.406.437
Cộng	1.032.550.895	1.009.573.393

30. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	1.114.954.074
Các khoản khác	-	2.400.000
Cộng	-	1.117.354.074

31. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
Khấu hao tài sản, phân bổ công cụ dụng cụ không sử dụng	25.536.598	100.314.491
Chi phí khác	110.094.872	83.829.472
Cộng	135.631.470	184.143.963

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(19.461.990.397)	(18.308.368.254)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	167.892.189	121.686.123
Điều chỉnh tăng	167.892.189	184.143.963
+ Khấu hao, phân bổ tài sản không sử dụng	25.536.598	100.314.491
+ Chi phí không hợp lệ	108.767.117	82.501.717
+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi	32.260.719	-
+ Các khoản phạt thuế	1.327.755	1.327.755
Điều chỉnh giảm	-	62.457.840
+ Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	62.457.840
Tổng thu nhập chịu thuế	(19.294.098.208)	(18.186.682.131)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(19.461.990.397)	(18.308.368.254)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(19.461.990.397)	(18.308.368.254)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.297)	(1.221)

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.402.366	4.509.091
Chi phí nhân công	1.025.879.607	1.066.800.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	195.611.772	166.993.570
Chi phí khác bằng tiền	281.461.772	290.471.357
Cộng	1.507.355.517	1.528.774.047

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu là cho thuê máy móc thiết bị và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

36. Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Hiện nay, tất cả các khoản vay của Công ty đã quá hạn thanh toán, lãi suất vay áp dụng là 150% mức lãi suất trong hạn. Ban

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Giám đốc cho Công ty có rủi ro lớn khi có biến động lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá

Trong kỳ, Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu là cho thuê máy móc thiết bị do đó nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh không đáng kể. Nên Công ty ít chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Hầu hết các khoản nợ của Công ty đều quá hạn thanh toán theo hợp đồng. Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro rất lớn về khả năng thu hồi một số khoản nợ phải thu.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Tại ngày 31/12/2025, tài sản tài chính thấp hơn đáng kể so với nợ phải trả tài chính. Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản cao và gặp khó khăn trong việc quản lý dòng tiền trong tương lai.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	79.229.834.855	-	79.229.834.855
Phải trả người bán	124.507.434.529	-	124.507.434.529
Chi phí phải trả	302.938.809.096	-	302.938.809.096
Phải trả khác	1.694.621.166	-	1.694.621.166
Cộng	508.370.699.646	-	508.370.699.646
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	79.229.834.855	-	79.229.834.855
Phải trả người bán	124.501.654.529	-	124.501.654.529
Chi phí phải trả	284.514.578.186	-	284.514.578.186
Phải trả khác	1.695.048.988	-	1.695.048.988
Cộng	489.941.116.558	-	489.941.116.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.965.976	-	89.965.976
Phải thu khách hàng	388.252.812	-	388.252.812
Phải thu khác	373.266.598	5.348.008	378.614.606
Cộng	851.485.386	5.348.008	856.833.394
01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	213.582.831	-	213.582.831
Phải thu khách hàng	612.878.878	-	612.878.878
Phải thu khác	373.266.598	5.348.008	378.614.606
Cộng	1.199.728.307	5.348.008	1.205.076.315

37. Thông tin về các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)	Cổ đông lớn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ của PVX
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty con của PVX
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Công ty con của PVX
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Cùng tập đoàn PVN
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Công ty con của PVX
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Cùng tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Cùng tập đoàn PVN
Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Vũng Áng- Tổng Công ty CP Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trực thuộc PVX
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi	Cùng tập đoàn PVN
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng	Cùng tập đoàn PVN
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi - PTSC	Cùng tập đoàn PVN
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty con của PVX

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
Ngân Hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN ĐN	Lãi vay 7.076.848.586	7.096.237.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác

		Năm 2025	Năm 2024
Ông Nguyễn Đình Phước	Chủ tịch	30.000.000	30.000.000
Ông Lê Tuấn Nguyên	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
	Giám đốc	141.416.808	158.535.152
Ông Nguyễn Đức Anh	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Thanh Ngân	Trưởng ban kiểm soát	7.000.000	-
Ông Nguyễn Trọng Đại	Trưởng ban kiểm soát	5.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Văn Tĩnh	Thành viên Ban kiểm soát	6.000.000	6.000.000
	Lương	80.638.547	89.739.631
Bà La Minh Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	3.500.000	-
Bà Huỳnh Lê Lệ Diễm	Kế toán trưởng	113.023.217	106.617.459

38. Cam kết thuê hoạt động

Công ty đã thuê lại 4.000 m² đất tại xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay xã Núi Thành, Thành Phố Đà Nẵng) theo Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ UBND ngày 12/05/2011 với Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai. Các thông tin cụ thể như sau:

- Mục đích sử dụng đất: Xây dựng nhà điều hành sản xuất;
- Thời hạn thuê đất 38 năm 9 tháng (từ 19/04/2011 đến ngày 21/01/2050);
- Đơn giá thuê đất tại thời điểm ký hợp đồng là 4.250,4 đồng/m²/năm đồng. Giá tiền thuê đất được ổn định 5 năm. Giá tiền thuê đất từ các năm tiếp theo trở đi sẽ được Cơ quan thuế xác định theo giá đất do UBND tỉnh công bố hàng năm. Đơn giá thuê đất cho giai đoạn từ năm 02/01/2025 đến 02/01/2029 là 38.220 đồng/ m²/năm đồng theo Thông báo số 1933/TB-CCKVV.XII-QNA ngày 12/05/2025 của Chi cục thuế Khu vực XII.
- Tiền thuê đất được thanh toán hàng năm;
- Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thời hạn thuê 38 năm 9 tháng (đến 21/01/2050).

Hiện tại khu đất này đang được Công ty cho Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Sắt Thép Phương Nam thuê để làm văn phòng theo Hợp đồng 10/2025/HĐTN&VP ngày 09/09/2025. Thời hạn cho thuê theo Hợp đồng là 10 năm từ ngày 16/10/2025. Giá thuê năm đầu tiên là 19.000.000 đồng/tháng, từ năm thứ 2 đến năm thứ 4 được điều chỉnh tăng 10% so với năm trước liền kề, từ năm thứ 5 đến năm thứ 10 được điều chỉnh tăng 10% so với năm trước liền kề và cộng thêm khoản chênh lệch của tổng tiền thuê đất phải nộp ngân sách so với năm trước. Thời hạn thanh toán tiền thuê được trả mỗi năm một lần.

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

40. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC.



Kế toán trưởng

Huỳnh Lê Lệ Diễm

Người lập biểu

Huỳnh Lê Lệ Diễm

